TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2026.
V/v tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thanh Tuyền
2. Ông Nguyễn Văn Cho

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – An Giang tham gia phiên tòa**:* Bà Lai Thị Ngọc Mãi – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, về việc "*Tranh chấp xin ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm 1982 *(Có mặt)*

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, tỉnh An Giang.

Căn cước công dân số 091182006265 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/12/2022.

2 Bị đơn: Ông Lương Ngọc T, sinh năm 1977 *(Có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, tỉnh An Giang.

Căn cước công dân số 091076002815 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/11/2022

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày: Sau quá trình tìm hiểu và yêu thương nhau, bà K và ông T tự nguyện chung sống như vợ chồng tuy nhiên không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống,

đời sống chung không còn phù hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà và ông T cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhằm xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc nhưng sự cố gắng không đem lại kết quả. Bà K và ông T đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Tình cảm vợ chồng giữa bà K và ông T hiện nay không còn, do đó bà K xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà K và ông T có một người con chung là Lương Như Ý, sinh ngày 10/5/2002. Hiện chị Như Ý đã đến tuổi trưởng thành, bà K không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà K và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lương Ngọc T trình bày: Ông T thống nhất với nội dung khởi kiện theo yêu cầu ly hôn của bà K và không có ý kiến bổ sung.

Tại phiên tòa bà Lê Thị K trình bày: vẫn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục giải quyết vụ án. Riêng ông Lương Ngọc T vi phạm các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị K với ông Lương Ngọc T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lương Ngọc T có địa chỉ cư trú tại ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang nay là ấp N, xã Đ, tỉnh An Giang, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – An Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Ông Lương Ngọc T vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị K và ông Lương Ngọc T tự do tìm hiểu, tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Như vậy việc chung sống vợ chồng của bà K và ông T đã không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không có giá trị về mặt pháp lý. Nay bà Lê Thị K đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Lương Ngọc T là không có căn cứ chấp nhận do bà K và ông T không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị K và ông Lương Ngọc T như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – An Giang là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng, bà K và ông T có 01 người con chung là Lương Như Ý, sinh ngày 10/5/2002. Hiện chị Như Ý đã đủ tuổi trưởng thành, bà K không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Lê Thị Kim P chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị K và ông Lương Ngọc T là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Lê Thị K và ông Lương Ngọc T có một người con chung là Lương Như Ý, sinh ngày 10/5/2002. Chị Như Ý đã đủ tuổi trưởng thành, bà K không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Kim P chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008560 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy bà K đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn